TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 134/2026/QĐST-LĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp*:** Bà Lê Thị Ngọc

***- Thư ký phiên họp*:** Ông Nguyễn Đình Giang - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 117/2026/LĐ-ST ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 108/2026/QĐMPH-LĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên họp số 108/2026/QĐST-LĐ ngày 14/4/2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Thạch Thị L, sinh năm 1993; thường trú tại: Ấp L, xã T, Thành phố Cần Thơ (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Thạch Thị L1, sinh năm 1994; thường trú tại: Ấp L, xã T, Thành phố Cần Thơ (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

+ Công ty TNHH M (Việt Nam); trụ sở: Lô K, 2, 3, 4, 5 đường số F, khu công nghiệp Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1976; địa chỉ liên hệ: Lô K, 2, 3, 4, 5 đường số F, khu công nghiệp Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H; địa chỉ: Khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu và lời khai trong quá trình giải quyết người yêu cầu - bà Thạch Thị L trình bày:

Hiện nay bà Thạch Thị L có nhu cầu rút bảo hiểm nên bà L có liên hệ với Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu được thông báo trong khoảng thời gian từ

tháng 8/2011 đến tháng 9/2011 bà Thạch Thị L có ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH M (Việt Nam). Tuy nhiên trên thực tế cùng khoảng thời gian này, bà L cũng đang làm việc tại một công ty khác và cũng được tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại đó. Như vậy, cùng một thời điểm bà L lại bị đóng trùng bảo hiểm tại hai công ty. Bà L xác định rằng trong khoảng thời gian nêu trên, bà L không phải là người giao kết hợp đồng lao động và không làm việc tại Công ty TNHH M (Việt Nam) mà chính là bà Thạch Thị L1 mượn chứng minh nhân dân của bà L để giao kết với Công ty TNHH M (Việt Nam).

Nhận thấy việc thông tin cá nhân của bà L bị sử dụng để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M (Việt Nam) là trái quy định pháp luật, vi phạm nguyên tắc trung thực, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Vì vậy, bà L đề nghị Tòa án xem xét, tuyên bố Hợp đồng lao động giữa bà Thạch Thị L do bà Thạch Thị L1 là người ký và Công ty TNHH M (Việt Nam) trong thời gian từ tháng 8/2011 đến tháng 9/2011 là vô hiệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

Do bận công việc nên bà Thạch Thị L có yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- Lời khai trong quá trình giải quyết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Thạch Thị L1 trình bày:

Bà L1 thống nhất theo yêu cầu và trình bày của bà Thạch Thị L, do bà L1 là em ruột của bà L vào khoảng năm 2011 bà L1 chưa đủ tuổi lao động nên có mượn chứng minh nhân dân của bà L để ký kết Công ty TNHH M (Việt Nam) từ tháng 8/2011 đến tháng 9/2011. Do bận công việc nên đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M (Việt Nam) trình bày:

Do quá trình ký kết hợp đồng lao động và thời gian chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Thạch Thị Linh T đến thời điểm hiện tại đã quá thời hạn lưu trữ hồ sơ nhân viên nên không có hồ sơ gốc đối chiếu, chỉ sử dụng dữ liệu trên hệ thống của công ty. Khi ký kết hợp đồng, công ty không biết việc người lao động dùng hồ sơ của người khác để ký với Công ty.

Quá trình bà Thạch Thị L (tên thật Thạch Thị L1) làm việc tại Công ty, công ty đã tham gia mua Bảo hiểm xã hội cho bà Thạch Thị L theo đúng quy định của pháp luật. Đến khi bà L chấm dứt hợp đồng lao động với công ty thì bà L và công ty cũng đã thỏa thuận giải quyết đầy đủ quyền lợi của bà L, đồng thời chốt sổ Bảo hiểm xã hội cho bà L theo quy định. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị L thì Công ty TNHH M không có ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt Công ty trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Thạch Thị L là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Căn cứ công văn 1474/BHXH-KT ngày 29/4/2026 của bảo hiểm xã hội cơ sở L, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp có căn cứ xác định bà Thạch Thị L, sinh ngày 01/8/1993, chứng minh nhân dân số 366039490, số căn cước công dân 094193001050 có quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp bị trùng từ tháng 8/2011 đến tháng 9/2011 tại công ty TNHH M (Việt Nam) và công ty cổ phần S.

Như vậy trong thời gian từ tháng 8/2011 đến tháng 9/2011, người lao động tên Thạch Thị L giao kết hợp đồng lao động với công ty TNHH M (Việt Nam) và được Công ty T1, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 7411219303. Ngoài trong thời gian từ tháng 8/2011 đến tháng 9/2011 bà Thạch Thị L tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty cổ phần S với mã số bảo hiểm 9107189163.

Bà Thạch Thị L và bà Thạch Thị L1 thừa nhận bà L1 mượn chứng minh của bà L để ký kết hợp đồng lao động với công ty TNHH M (Việt Nam).

Thực tế đối tượng lao động và đối tượng ký kết hợp đồng tại công ty TNHH M (Việt Nam) từ tháng 8/2011 đến tháng 9/2011 là bà L1 chứ không phải là bà Thạch Thị L.

Theo Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: "*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*". Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994, thì: *"Hợp đồng lao động được giao kết trực tiếp giữa người lao động với người sử dụng lao động"* và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*". Do đó căn cứ Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Thạch Thị L.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Thạch

Thị L về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Thạch Thị L với công ty TNHH M (Việt Nam) theo sổ bảo hiểm xã hội số 7411219303 trong khoảng thời gian làm việc từ 8/2011 đến tháng 9/2011 bị vô hiệu.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Thạch Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994.

- Khoản 2 Điều 16 Bộ luật lao động năm 2019.

- Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015).

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Thạch Thị L.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Thạch Thị L với công ty TNHH M (Việt Nam) tháng 8/2011 đến tháng 9/2011 (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7411219303 bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7411219303 không phải là bà Thạch Thị L, sinh ngày 01/8/1987, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, số chứng minh nhân dân 366039490; căn cước công dân số: 094193001050. Bà Thạch Thị L được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội số 7411219303.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Thạch Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0018046 ngày 24/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Ngọc